

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương I Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020
nguồn vốn ngân sách tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều



4 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 344/TTr-SKHĐT ngày 20 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương I Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương I Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh

1. Đoạn đầu tiên Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Vốn tỉnh quản lý

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh - tỉnh quản lý là 6.128,705 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 1.431,757 tỷ đồng, xố số kiến thiết: 4.034,048 tỷ đồng, nguồn giảm vốn điều lệ, giảm trích quỹ dự phòng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xố số kiến thiết Tây Ninh: 155,9 tỷ đồng, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2017 cho ngân sách địa phương: 150 tỷ đồng, nguồn dự phòng ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh năm 2018: 150 tỷ đồng, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp năm 2018: 207 tỷ đồng), gồm:

- Chuẩn bị đầu tư: 168 tỷ đồng;
- Thực hiện đầu tư: 5.771,885 tỷ đồng;
- Thanh toán khối lượng: 188,82 tỷ đồng.”

2. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Lĩnh vực Giao thông

Kế hoạch vốn là 2.959,11 tỷ đồng (xố số kiến thiết: 2.369,008 tỷ đồng, nguồn giảm vốn điều lệ, giảm trích quỹ dự phòng của Công ty TNHH MTV Xố số kiến thiết Tây Ninh: 155,9 tỷ đồng, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2017 cho ngân sách địa phương: 77,202 tỷ đồng, nguồn dự phòng ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh năm 2018: 150 tỷ đồng, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp năm 2018: 207 tỷ đồng), đầu tư 34 dự án, bao gồm:

a) Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 06 dự án với tổng vốn đầu tư là 358,46 tỷ đồng.

b) Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 28 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 2.600,65 tỷ đồng, trong đó:

Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020 là 13 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 1.825,65 tỷ đồng.

Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 15 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 775 tỷ đồng”.

3. Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Kế hoạch vốn là 484,94 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 172,142 tỷ đồng, xỏ số kiến thiết: 240 tỷ đồng, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2017 cho ngân sách địa phương: 72,798 tỷ đồng), đầu tư 46 dự án/đề án, bao gồm:

a) Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 03 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 39,45 tỷ đồng.

b) Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 43 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 445,49 tỷ đồng.

Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020 là 39 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 302,49 tỷ đồng.

Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 143 tỷ đồng”.

4. Khoản 4 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Kế hoạch lĩnh vực Giáo dục, đào tạo, dạy nghề: 322,66 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 218,54 tỷ đồng, xỏ số kiến thiết: 104,12 tỷ đồng) đầu tư 28 dự án, bao gồm:

a) Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 28,46 tỷ đồng.

b) Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 24 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 294,2 tỷ đồng, trong đó:

Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020: 20 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 259,2 tỷ đồng.

Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 35 tỷ đồng”.

5. Khoản 7 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“7. Lĩnh vực Văn hóa, thể thao, xã hội

Kế hoạch vốn là 306,37 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 68,17 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 238,2 tỷ đồng), đầu tư 36 dự án, bao gồm:

a) Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 02 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 82,93 tỷ đồng.

b) Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 34 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 223,44 tỷ đồng, trong đó:

Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020: 22 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 134,44 tỷ đồng.

Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 12 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 89 tỷ đồng”.

6. Khoản 9 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“9. Lĩnh vực Trụ sở cơ quan, khác

Kế hoạch vốn là 397,935 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 270,105 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 127,83 tỷ đồng), đầu tư 61 dự án, bao gồm:

a) Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 115,04 tỷ đồng.

b) Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 57 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 282,895 tỷ đồng.

Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020: 54 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 223,895 tỷ đồng.

Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 03 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 59 tỷ đồng”.

7. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Hỗ trợ mục tiêu huyện, thành phố

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh là 4.232,071 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 878,716 tỷ đồng, xổ số kiến thiết: 3.253,355 tỷ đồng, nguồn thoái vốn tại các Doanh nghiệp năm 2018: 100 tỷ đồng) hỗ trợ mục tiêu huyện, thành phố đầu tư:

1. Nông thôn mới: 1.954,797 tỷ đồng.

2. Phát triển thành phố, thị xã: 917,485 tỷ đồng.

3. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: 124,5 tỷ đồng.

4. Xây mới trường học thuộc Đề án Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non tại vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2017-2020: 98 tỷ đồng.

5. Hỗ trợ khác: 1.137,289 tỷ đồng.”

(Đính kèm các biểu chi tiết)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019.
2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương I và thay thế Phụ lục Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh của Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

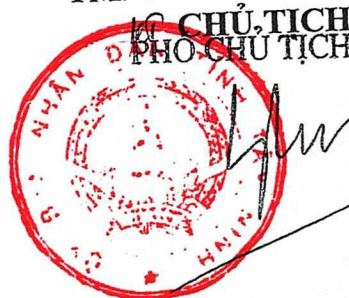
Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị sử dụng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Pháp chế Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, KTTC;
- Trung tâm Công báo-Tin học;
- Lưu: VT.VP Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND tỉnh.

binhht_QDUB_194 20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Dương Văn Thắng

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 514 /2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2016-2020									
STT	LĨNH VỰC	TỔNG KẾ HOẠCH	Trong đó:						GHI CHÚ
			NSTT	XSKT (BAO GỒM NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH 2017 là 50 tỷ và 2018 là 102,403 tỷ)	NGUỒN GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ, QUỸ DỰ PHÒNG CỦA CÔNG TY XSKT	NGUỒN BỔ SUNG CỐ MỤC SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2017 CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2018	NGUỒN THỎAI VỐN NN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NĂM 2018	
	TỔNG	10.894.023	2.843.720	7.287.403	155.900	150.000	150.000	307.000	
I	TÌNH QUẢN LÝ	6.128.705	1.431.757	4.034.048	155.900	150.000	150.000	207.000	Phụ lục 1
A	Chuẩn bị đầu tư	168.000	80.000	88.000					
B	Thực hiện đầu tư	5.771.885	1.262.937	3.846.048	155.900	150.000	150.000	207.000	
1	Giao thông	2.959.110		2.369.008	155.900	77.202	150.000	207.000	Bổ sung 50 tỷ đồng từ 02 nguồn: nguồn XSKT (bao gồm nguồn tăng thu NS tỉnh 2017, 2018); 38 tỷ đồng; nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW năm 2017 cho NSDP: 12 tỷ đồng
2	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	434.940	172.142	240.000		72.798			Bổ sung 143,5 tỷ đồng từ 02 nguồn: nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW năm 2017 cho NSDP: 72,798 tỷ đồng; nguồn NSTT: 70,702 tỷ đồng
3	Y tế	687.120	97.920	589.200					Giảm 1 tỷ nguồn XSKT (bao gồm nguồn tăng thu NS tỉnh 2017, 2018)
4	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	322.660	218.540	104.120					
5	Khoa học và công nghệ	149.100	108.060	41.040					
6	Khu dân cư, cụm dân cư biên giới	69.430	11.000	58.430					

KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2016-2020									
STT	LĨNH VỰC	TỔNG KẾ HOẠCH	Trong đó:					NGUỒN THOẢI VỐN NN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NĂM 2018	GHI CHÚ
			NSĐT	XSKT (BAO GỒM NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TÍNH 2017 là 50 tỷ và 2018 là 102,403 tỷ)	NGUỒN GIẢM VỐN ĐIỀU LỄ, GIÁM TRÍCH QUỸ DỰ PHÒNG CỦA CÔNG TY XSKT	NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỨC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2017 CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2018		
7	Văn hóa - Thể thao - Xã hội	306.370	68.170	238.200					Bổ sung từ nguồn NSĐT: 5 tỷ đồng
8	An ninh quốc phòng	395.220	317.000	78.220					
9	Trụ sở cơ quan, khác	397.935	270.105	127.830					
C	Thanh toán KL	188.820	88.820	100.000					Giảm 30 tỷ đồng nguồn NSĐT
II	HUYỆN QUẢN LÝ	4.232.071	878.716	3.253.355				100.000	Bổ sung từ nguồn NSĐT: 6,5 tỷ đồng
1	Xây dựng nông thôn mới	1.954.797		1.854.797					Phụ lục II
2	Phát triển thành phố, thị xã	917.485	500.000	417.485				100.000	Bổ sung 22 tỷ từ nguồn XSKT (bao gồm nguồn tăng thu NS tỉnh 2017, 2018)
3	Hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	124.500		124.500					
4	Đề án Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non tại vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2017-2020	98.000		98.000					
5	Hỗ trợ khác	1.137.289	378.716	758.573					
III	VỀ NGUỒN THU PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN RA VÀO CỬA KHẨU	533.247	533.247						Phụ lục III

Phụ lục I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRƯỜNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Quyết định số 54 /2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT (DA BC)	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư										Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)	Lấy kế giải ngân từ thời công đầu hết ngày 31/12/2015	Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2016-2020 trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh				Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSDP	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19						
	TÔNG S&S					16.303.128	11.896.828	893.387	615.301	824.973	615.301	7.852.146	4.821.348	1.436.520	67.163	9.066.503	6.128.705	168.000						
A	Chuẩn bị đầu tư																							
	Trong đó:																							
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thị trấn Châu Thành (giai đoạn 1)	Châu Thành		2020-2022		51.156	51.156												Bổ sung DA mới					
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị Hòa Thành (giai đoạn 1)	Hòa Thành		2020-2022		150.884	150.884												Bổ sung DA mới					
3	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng - đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua địa phận tỉnh Tây Ninh	Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu		2020-2024		987.314	987.314												Bổ sung DA mới					
4	Hợp phần dự án "Phát triển chuỗi giá trị rau quả ứng dụng công nghệ thông tin với bài Học tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025". Trong đó:																		Dự án sử dụng vốn vay ADB					
4.1	Trạm bơm Dầu Tiếng 2	Tân Châu	Tuổi 3.399 ha	2021-2025		615.000																		
4.2	Trạm bơm Tân Hưng	Tân Châu	Tuổi 1.270 ha	2021-2025		101.000																		
4.3	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật thiết bị vật tư nông nghiệp huyện Châu Thành	Châu Thành		2021-2025		170.000																		
4.4	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật thiết bị vật tư nông nghiệp huyện Tân Châu	Tân Châu		2021-2025		130.000																		
4.5	Trung tâm thu gom nông sản (rau củ quả, trái cây)	D.M.Châu		2021-2024		300.000																		
B	Thực hiện dự án					16.303.128	11.896.828	893.387	615.301	824.973	615.301	7.589.826	4.559.028	1.342.020	67.163	8.709.683	5.771.885							
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG					8.969.397	7.219.660	531.389	285.724	462.375		3.918.840	2.232.210	726.900	-	4.645.740	2.959.110							
(2)	Dự án phát triển công nghệ thông tin					6.516.070	5.076.333					2.312.750	1.073.750	726.900	-	3.039.650	2.000.650							
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đầu vào sử dụng giai đoạn 2016-2020					2.164.830	1.884.411	-	-	-	-	1.712.750	1.445.750	379.900	-	2.092.650	1.825.650							
22	Cầu An Hòa	Trảng Bàng	Cầu BTCT DUL, L=452,33m	2018-2021	1842/OB-UBND 24/7/2018	399.215	399.215					150.000	150.000	50.000			200.000	200.000		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng và đẩy nhanh tiến độ công trình theo đúng tiến độ được giao				

STT STT (DA ĐC)	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lấy kế giải ngân từ thời điểm đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT					2.507.639	1.359.912	6.460	3.460	6.460	3.460	922.958	337.958	200.070	53.088	1.069.940	484.940	
(2)	Dự án khôi phục môi trường giải đoạn 2016-2020					1.712.640	564.913	-	-	-	-	883.508	298.508	200.070	53.088	1.030.490	445.490	
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giải đoạn 2016-2020					490.141	490.141	-	-	-	-	277.920	277.920	57.070	32.500	302.490	302.490	
25	Kênh tiêu Tân Phú - Tân Hưng	Tân Châu	Tiểu 1.485ha	2018-2020	474/QĐ- SKHBT ngày 27/10/2017	25.000	25.000					22.700	22.700	8.000		30.700	30.700	Tăng chi phí đến bù 10,2 tỷ đồng (phương án đến bù đang hoàn chỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt)
34	Kênh tiêu Hội Thành	Tân Châu	tiểu 1700ha	2018-2020	489/QĐ- SKHBT 27/10/2017	27.258	27.258					25.000	25.000	3.000		28.000	28.000	Tăng chi phí đến bù 3 tỷ đồng (phương án đến bù đang hoàn chỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt)
51	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Lộc Ninh, huyện DMĐ - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T12A, T12-17	xã Lộc Ninh, huyện Dương Mình Châu		2019-2021	1405/QĐ- UBND ngày 02/7/2019	13.352	13.352					8.730	8.730	3.500		12.230	12.230	Dự kiến điều chỉnh TMĐT là 47 tỷ đồng
b	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020					1.222.499	74.772	-	-	-	-	605.588	20.588	143.000	20.588	728.000	143.000	
59	Tuổi tiểu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông	Châu Thành, Bến Cầu, Trảng Bàng, Hòa Thành, Gò Đầu	Tuổi 17.000 ha	2018-2022	39/HĐND- KTNS 24/3/2017	1.147.727						585.000		129.000		714.000	129.000	Dự án đã được giao 318.55 tỷ đồng/KH 2016-2020 nguồn TPCP là 585 tỷ đồng, cần bổ sung ngân sách tỉnh để thực hiện năm 2020
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ ĐÀNG NGHỆ					596.695	530.695	68.340	68.340	68.340	68.340	355.740	312.540	25.120	13.000	383.860	322.660	
(2)	Dự án khởi công một trong giải đoạn 2016-2020					456.099	390.099					327.280	284.080	25.120	13.000	355.400	294.200	
b	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020					109.144	91.144	-	-	-	-	24.860	24.860	25.120	13.000	53.000	35.000	
27	Trung tâm GDTX Châu Thành và trường THPT Chuyên Châu Thành	Châu Thành	Xây mới	2020-2022	2645/QĐ- UBND ngày 29/10/2018	12.000	12.000					1.000	1.000		-1.000			Dự án đang thực hiện do sau khi sáp nhập 2 trường: Trường THPT Châu Thành và Trường THPT Hoàng Văn Thụ thì dời dự một số phòng học và phòng bộ môn sẽ giao lại cho TRƯỜNG THPT CHÂU THÀNH để thực hiện không đầu tư dự án (theo đề nghị tại Công văn số 2164/SGDDĐT-KHTC ngày 26/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)
VII	LĨNH VỰC VĂN HÓA-THỂ THAO-XÃ HỘI					708.736	459.981	7.445	7.445	7.445	7.445	281.370	262.370	45.000	1.000	325.370	306.370	

STT (ĐA BC)	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lấy kế số vốn của bộ từ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tăng (+) Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
(2)	Dự án khôi công mới trong giải đoạn 2016-2020					610.570	370.052	-	-	-	-	198.440	179.440	45.000	1.000	242.440	223.440		
b	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020					252.919	168.580	-	-	-	-	51.000	51.000	38.000	-	89.000	89.000	Bổ từ dự vốn để thực hiện dự án hoàn thành năm 2020	
28	Dự án cải tạo Trảng Bàng vùng Tam giác sắt	Trảng Bàng		2018-2021	286/QĐ- SKHBT ngày 30/10/2018	20.000	20.000					10.000	10.000	5.000		15.000	15.000		
IX	TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHÁC					1.560.204	798.331	104.400	104.400	104.400	104.400	738.543	328.710	99.300	-29.925	800.768	397.935		
(2)	Dự án khôi công mới trong giải đoạn 2016-2020					1.373.138	551.879	-	-	-	-	641.503	231.670	81.300	(29.925)	685.728	282.895		
a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giải đoạn 2016-2020					923.179	359.851	-	-	-	-	641.503	231.670	22.300	(29.925)	626.728	223.895		
62	8	Lập quy hoạch ngành	toàn tỉnh	2019-2020		31.000	31.000					30.000	30.000		-30.000	-	-	Sử dụng kinh phí thường xuyên để thực hiện	



Phụ lục II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 NGUỒN VỐN TỈNH HỒ TRỖ MỨC TIÊU CHO HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 74 /2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư										Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TKBĐT /QT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19							
					TỔNG SỐ																				
A	XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI																								
2	Hòa Thành																								
2.1	Các xã thuộc 45 xã đầu tư giải đoạn 2016-2020 đã ban hành																								
2.2	Bổ sung đầu tư XD xã Hiệp Tân																								
5	Tăng Bàng																								
5.1	Các xã thuộc 45 xã đầu tư giải đoạn 2016-2020 đã ban hành																								
5.2	Bổ sung đầu tư XD xã Hưng Thuận																								
F	HỒ TRỖ KHÁC																								
III	HUYỆN CHÂU THÀNH																								
(2)	Dự án khởi công mỗi trong giải đoạn 2016-2020																								
a	Dự án dự kiến hoàn thành và ban giao đưa vào sử dụng giải đoạn 2016-2020																								
23	Trường mẫu giáo Thanh Điền B	Thanh Điền	Khai 04 phòng học, cổng, hàng rào, nhà hương tục, toilet nhà ăn, nhà xe, đất nước, bể PCCC, san lấp MB, trang thiết bị	2019-2020		14.500	14.500																		
25	Trường THCS Đồng Khởi	Đồng Khởi	Xây mới phòng, nâng cấp sân trường bê tông	2019-2020		4.500																			

